TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/DS-ST
Ngày: 05-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LONG AN

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Sáu

2. Bà Nguyễn Thị Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Quỳnh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 377/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 132/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, Phường V, Quận 3, Th phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D– Tổng Giám đốc

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Đức Thạch Diễm: ông Trần Minh T – Giám đốc chi nhánh

(Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần Minh Tâm: Bà Đặng Thị Mỹ Nh – Chuyên viên khách hàng cá nhân.

(Văn bản ủy quyền số 33/2023/GUQ-CNLA ngày 31/7/2023)

Bị đơn: Ông Trần Công Th, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà Nhung có Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, ông Th vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 31/7/2023 trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn do bà Đặng Thị Mỹ Nhung trình bày như sau:

Năm 2019, Ông Trần Công Th có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng. Căn cứ thu nhập của ông Trần Công Th, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau: Hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng cá nhân; Lãi suất thẻ: 2,6 %/tháng;

Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Trần Công Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.770.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Trần Công Th đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.800.000 đồng. Tính đến ngày 21/7/2023, ông Trần Công Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 36.502.337 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 23.531.753 đồng, nợ lãi là 12.970.584 đồng. Theo quy định tại mục 24.4 thì Ngân hàng được quyền "Tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ …khởi kiện chủ thẻ". Do ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Công Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền tính đến ngày 21/7/2023, ông Trần Công Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 36.502.337 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 23.531.753 đồng, nợ lãi là 12.970.584 đồng, yêu cầu ông Th có nghĩa vụ thanh toán các khoản lãi phát sinh từ ngày 22/7/2023 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng đã ký. Ngoài ra, Ngân hàng không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 03/11/2023, bị đơn ông Trần Công Th trình bày: Ông thống nhất có nợ ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính tới 21/7/2023 là 36.502.337 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần số tiền trên.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Điều lệ của Ngân hàng; Bảng tính chi tiết tiền lãi; Quyết định ủy quyền; Bản sao chứng minh nhân dân của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn; Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu của bị đơn.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Ngoài những chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án thì không còn chứng cứ nào khác để cung cấp và không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ. Đồng thời, xác định không yêu cầu Tòa án triệu tập ai hoặc đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện B thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng thẩm quyền.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân theo pháp luật tố tụng và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ; Qua diễn biến phiên toà sơ thẩm công khai hôm nay, thì có đủ cơ sở xác định: Ngân hàng TMCP S và ông Trần Công Th ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với loại thẻ là JCB hạng chuẩn, hạn mức là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Lãi suất thời điểm mở thẻ là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Công Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.770.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông đã thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ gốc, lãi và phí tổng cộng là 23.800.000 đồng. Tính đến ngày 21/7/2023, ông Trần Công Th còn nợ Ngân hàng số tiền là 36.502.337 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 23.531.753 đồng, nợ lãi là 12.970.584 đồng.

Do ông Th đã không thanh toán nợ đúng hạn. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho ông Th thanh toán nợ nhưng ông vẫn không thanh toán khoản nợ. Theo mục 1.27 và mục 26.4 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng thì từ ngày 22/5/2022 ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông Th sang nợ quá hạn (Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn). Do đó, ông Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng, nên Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Trần Công Th thanh toán các khoản nợ còn lại (bao gồm nợ gốc và nợ lãi) là có căn cứ chấp nhận. Bị đơn ông Trần Công Th đã thống nhất có nợ ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính tới 21/7/2023 là 36.502.337 đồng. Tuy nhiên, ông Th xin được trả dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng phía ngân hàng không đồng ý đề nghị này nên không xem xét đến.

Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 463, 466 BLDS năm 2015 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

[2]. Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án: Theo đơn khởi kiện, thì nguyên đơn khởi kiện cá nhân ông Trần Công Th nên căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định ông Trần Công Th là bị đơn.

[3]. Bị đơn đã được Tòa án triệp tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Về nội dung tranh chấp:

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4.1]. Căn cứ vào *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 401 ngày 13/12/2019"* và theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S và lời trình bày của ông Trần Công Th tại bản tự khai ngày 03/11/2023 có cơ sở xác định giữa Ngân hàng TMCP S và ông Trần Công Th ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với loại thẻ là JCB hạng chuẩn, hạn mức là là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Lãi suất thời điểm mở thẻ là 2.6%/tháng.

[4.2] Căn cứ bảng sao kê giao dịch số thẻ 356480-2289 của ông Trần Công Th thì ông Trần Công Th đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.770.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, ông đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 23.800.000 đồng. Sau đó, ông Th ngưng không thanh toán nữa mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở nhiều lần. Việc ông Th không thanh toán theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, làm cho quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm. Theo mục 1.27 và mục 26.4 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng thì từ ngày 22/5/2022 ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông Th sang nợ quá hạn (Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn) và theo quy định tại mục 24.4 thì Ngân hàng được quyền "*Tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ ...khởi kiện chủ thẻ*". Do ông Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn là có căn cứ. Bị đơn ông Trần Công Th cũng thống nhất còn nợ ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính tới 21/7/2023 là 36.502.337 đồng.

Tuy nhiên, ông Th xin được trả dần do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng đại diện ngân hàng không đồng ý đề nghị này nên căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Th có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số nợ tính đến ngày 21/7/2023 là 36.502.337 đồng.

[4.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lãi phát sinh từ ngày 22/7/2023: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 401 ngày 13/12/2019"* từ ngày 22/7/2023 cho đến khi thanh toán xong hết nợ là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trần Công Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trần Công Th về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Trần Công Th có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 21/7/2023 là 36.502.337 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 23.531.753 đồng, nợ lãi là 12.970.584 đồng;

Kể từ ngày 22/7/2023, ông Trần Công Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận quy định tại *"Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 401 ngày 13/12/2019"* cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Công Th phải chịu 1.825.117 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng TMCP S là 912.558 đồng theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010311 ngày 04/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- -TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện B.
- THADS huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga

Nơi nhận:
- -TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện B.
- THADS huyện B.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nga

Hội thẩm nhân dân

Dương Thị Sáu – Nguyễn Thị Hưởng

Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Nga

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Thới